

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **18** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **14** tháng **3** năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo ĐTM dự án: Đầu tư mở rộng Nhà sản xuất phân bón Bình Điền Quảng Trị công suất 200.000 tấn/năm;

Căn cứ Thông báo số 3820/TB-HĐTĐ ngày 09/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị - Công suất 110.000 tấn/năm;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị - Công suất 110.000 tấn/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 119/CV-BĐQT ngày 23/02/2024 của Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 843/TTr-STNMT ngày 11/3/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị, địa chỉ tại Lô 22, KCN Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị - Công suất 110.000 tấn/năm với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị - Công suất 110.000 tấn/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 22, KCN Quán Ngang thuộc địa bàn xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 2883452558 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 11/11/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 07/07/2021.

1.4. Mã số thuế: 3200269109.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy sản xuất phân bón.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi, quy mô của Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị có vị trí thực hiện tại Lô 22, KCN Quán Ngang thuộc địa bàn xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, có tổng diện tích 39.858m², bao gồm các hạng mục như sau:

+ 04 Nhà xưởng sản xuất tổng diện tích: 13.632m²,

+ Nhà kho, xưởng nghiền diện tích: 606m²,

+ Bãi nguyên liệu: 5.050m².

+ Các hạng mục phụ trợ: Nhà văn phòng, nhà ăn, Nhà kiểm nghiệm chất lượng, nhà cơ khí...: 1.215 m².

+ Các hạng mục bảo vệ môi trường: Nhà vệ sinh, Nhà lưu giữ chất thải rắn, CTNH, Nhà hút bụi, Bể nước sản xuất, PCCC, Hồ nước, Hệ thống thu gom nước mưa, Hệ thống đường nội bộ, cây xanh: 19.355m².

- Công nghệ sản xuất, vận hành:

+ Công nghệ sản xuất NPK bằng phương pháp hỗn hợp (NPK một màu và NPK ba màu), công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm: Nguyên liệu (chứa N, P, K) → Nghiền → Định lượng → Máy trộn → Máy tạo hạt → Máy sấy → Sàng phân loại → Máy làm nguội → Máy làm bóng → Đóng gói sản phẩm (NPK 1 màu); Đối với sản phẩm là bán thành phẩm của dây chuyền này là sau khi qua Máy làm nguội cùng với các nguyên liệu (chứa DAP, Urea, KCl) → Định lượng → Máy phối trộn → Đóng bao → Thành phẩm (trộn hỗn hợp thành NPK 3 màu).

+ Công nghệ sản xuất phân bón hỗn hợp NPK (NPK một hạt) công suất 70.000 tấn sản phẩm/năm: Nguyên liệu → Máy trộn nguyên liệu thô → Phễu trung gian → Băng tải 1 → Máy tạo hạt (Được cung cấp thêm nước nóng từ lò đốt và Hệ thống nấu chảy Urea) → Băng tải 2 → Máy sấy khô 1 → Gàu tải 1 → Máy sấy khô 2 → Gàu tải 2 → Sàng phân loại 1 → Sàng phân loại 2 → Máy làm nguội → Băng tải 3 → Máy làm bóng → Phễu rót sản phẩm → Máy cân tự động và đóng gói sản phẩm.

- Công suất của nhà máy: 110.000 tấn/năm:

+ Công xuất dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK (NPK một màu và NPK ba màu) theo công nghệ cũ: 40.000 tấn sản phẩm/năm.

+ Công xuất dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK (NPK một hạt) theo công nghệ mới thùng quay hơi nước và hóa lỏng Ure: 70.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2024 đến ngày 14 tháng 3 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở theo quy định của pháp luật. / *rw*

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, Công Thương;
- BQL Khu Kinh tế tỉnh;
- UBND huyện Gio Linh;
- UBND xã Gio Châu, Gio Quang;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Thu). *HC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị -
Công suất 110.000 tấn/năm

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **18** /GPMT-UBND ngày **14** tháng **3** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ Khu vực nhà văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ Nhà vệ sinh khu vực sản xuất.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ Khu vực nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Dòng nước thải số 01 (Tương ứng với nguồn thải số 01, 02, 03): Nước thải sinh hoạt tại Nhà vệ sinh ở 02 khu vực Nhà văn phòng làm việc, nhà ăn được xử lý bằng bể tự hoại, nước thải từ nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu, sau đó chảy ra cùng với nước thải xám để xử lý tại bể lắng lọc 02 ngăn. Tại khu vực Nhà xưởng sản xuất nước thải đen được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn và cùng với nước thải xám được xử lý bằng bể lắng lọc 02 ngăn. Cả 03 nguồn nước này được thoát theo hệ thống thoát chung của Nhà máy bằng uPVC (D=110mm) và đổ vào 01 hố ga và xả thải vào Hệ thống thu gom nước thải của KCN tại góc phía Đông Nam Nhà máy, sau đó tiếp tục được xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang, nước thải KCN theo đường ống xả thải vào sông Thạch Hãn.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải nằm ở hố ga tại góc phía Đông Nam Nhà máy trong KCN Quán Ngang, địa bàn xã Gio Quang, huyện Gio Linh

- Tọa độ vị trí xả thải: X: 1.868.460m; Y: 589.630m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°15', múi chiếu 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 16 m³/ngày.đêm, tương đương 0,66 m³/giờ.

- Nước thải tại khu vực nhà văn phòng làm việc khoảng 2,4 m³/ngày.
- Nước thải sinh hoạt tại nhà ăn khoảng 8,4 m³/ngày.
- Nước thải tại khu vực nhà xưởng làm việc khoảng 5,2 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục trong ngày (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Trong thời gian Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang chính thức hoạt động và chưa có thỏa thuận đầu nối, nước thải sinh hoạt sau xử lý của Nhà máy đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

- Chủ Cơ sở phải đảm bảo điều kiện xả thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang khi hệ thống được vận hành theo thỏa thuận xả nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Tại 02 khu vực Nhà văn phòng làm việc, Nhà ăn:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực Nhà văn phòng làm việc được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn số 01, xử lý sau đó theo đường ống PVC D110 về bể lắng lọc 2 ngăn số 01.

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực Nhà ăn được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn số 02, xử lý sau đó theo đường ống PVC D110 về bể lắng lọc 2 ngăn số 01.

+ Nước thải tắm rửa (nước thải xám): Nước thải từ hoạt động tắm, rửa... qua song chắn rác rồi dẫn theo ống PVC D110mm tiếp tục xử lý ở bể lắng lọc 02 ngăn số 01.

+ Nước thải từ Nhà ăn được thu gom về bể tách dầu mỡ, sau đó theo đường ống PVC D110 về bể lắng lọc 2 ngăn số 01.

- Tại khu vực Nhà xưởng sản xuất:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn số 03, xử lý sau đó theo đường ống PVC D110 về bể lắng lọc 2 ngăn số 02.

+ Nước thải tắm rửa (nước thải xám): Nước thải từ hoạt động tắm, rửa... qua song chắn rác rồi dẫn theo ống PVC D110mm tiếp tục xử lý ở bể lắng lọc 02 ngăn số 02.

- Nước thải sau xử lý tại bể lắng lọc 2 ngăn số 01 và số 02 theo tuyến ống PVC D110 chảy vào 01 hố ga và xả thải vào Hệ thống thu gom nước thải của KCN tại góc phía Đông Nam Nhà máy, sau đó tiếp tục được xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang, tiếp tục nước thải sau xử lý theo đường ống xả thải vào sông Thạch Hãn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của 200 CBCNV phát sinh khoảng 16 m³/ngày. Được xử lý bằng 03 Bể tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích 100 m³, kết cấu BTCT. Bố trí tại 03 khu vực: tại khu vực nhà văn phòng làm việc (30 m³), nhà ăn (45 m³) và khu vực nhà xưởng làm việc (25 m³). Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

- Nước thải từ bếp phục vụ ăn uống thu gom về bể tách dầu mỡ xử lý sơ bộ, tại đây lớp dầu nổi trên bề mặt được thu gom bằng máy hút dầu chuyên dụng, sau đó theo đường ống PVC D110 về bể lắng 2 ngăn. Số lượng bể tách dầu là 01 cái đặt tại nhà bếp.

- Bể lắng lọc 02 ngăn thiết kế tại 02 vị trí: 01 vị trí xử lý chung tại Nhà văn phòng làm việc và nhà ăn và 01 vị trí xử lý tại Nhà xưởng làm việc. Kích thước mỗi bể như sau:

+ Bể lắng có kích thước (DxRxH=2,8 x 1,55 x 1,35)m;

+ Bể lọc 05 lớp có kích thước (DxRxH=1,5 x 1,5 x 2,4)m, các lớp từ trên xuống gồm: Lớp đất dày 300mm; Lớp sạn 10x20, lẫn 15% cát nhỏ: dày 450mm; Lớp sạn ngang 60x80 lẫn 25% cát to: dày 350mm; Lớp 40x60 lẫn 35% cát hạt trung: dày 500mm; Lớp sạn 20x40 lẫn 45% cát hạt nhỏ: dày 800mm. Giữa các lớp bố trí tấm vải địa kỹ thuật để tránh sự xâm nhập gây tắc nghẽn dòng nước trong bể lọc.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án có lưu lượng thải <200 m³/ngày đêm nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXVIII, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: tạm thời lưu chứa nước thải sinh hoạt tại hồ chứa nước trong Nhà máy. Nhanh chóng sửa chữa trong thời gian ngắn nhất có thể để đảm bảo vận hành lại hệ thống.

- Quan trắc, giám sát nước thải tại điểm xả nước thải khi có dấu hiệu nghi ngờ hoặc theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền để kịp thời có giải pháp điều chỉnh vận hành đảm bảo chất lượng nước xử lý đạt quy chuẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không có các công trình xử lý nước thải cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phân A Phụ lục này trước khi xả thải ra Hệ thống thu gom nước thải của KCN Quán Ngang. Có thỏa thuận đầu nối nước thải với BQL Khu Kinh tế tỉnh để đầu nối với Hệ thống thu gom nước thải của KCN Quán Ngang.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chất lượng nước mưa chảy tràn không được vượt các chỉ tiêu trong QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_f = 0,9$, $K_q = 0,9$).

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI****Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị -****Công suất 110.000 tấn/năm***(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18/GPMT-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Dây chuyền sản xuất phân bón 40.000 tấn/năm tại Nhà xưởng số 2:
 - + Nguồn số 1: Khí thải lò sấy.
 - + Nguồn số 2: Khí thải ống khói máy nguội.
- Dây chuyền sản xuất phân bón 70.000 tấn/năm tại Nhà xưởng số 4:
 - + Nguồn số 3: Khí thải lò sấy 1,2 (OK-637).
 - + Nguồn số 4: Khí thải ống khói máy nguội (OK-646).
 - + Nguồn số 5: Khí thải ống khói lọc bụi (LB-647).

2. Dòng khí thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận, vị trí xả khí thải**2.1. Dòng khí thải**

05 dòng khí thải sau xử lý xả ra môi trường, tương ứng với 05 nguồn thải:

- Dòng thải số 1 (tương ứng với nguồn số 01): Cụm xử lý khí thải: xử lý bụi, khí thải phát sinh từ cụm sấy, nấu chảy ure, lò hơi, gồm các bộ phận sau: Đường ống thu khí → Cyclon → Phòng lắng bụi → Quạt hút → Bồn nước và bơm nước phun ẩm → ống khói xả ra môi trường.
- Dòng thải số 2 (tương ứng với nguồn số 02): Cụm xử lý bụi, mùi: xử lý bụi, mùi phát sinh từ hệ thống sàng, nghiền, phân loại, làm nguội và đóng bao gồm các bộ phận sau: Hệ thống chụp hút → Cyclon → Phòng lắng bụi → Quạt hút → Bồn nước và bơm nước phun ẩm → ống khói xả ra môi trường.
- Dòng thải số 3 (tương ứng với nguồn số 03): Cụm xử lý khí thải: xử lý bụi, khí thải phát sinh từ cụm sấy 1, sấy 2, nấu chảy ure, lò hơi, gồm các bộ phận sau: Đường ống thu khí → 02 Cyclon → 02 Phòng lắng bụi → 02 Quạt hút → Bồn nước và bơm nước phun ẩm → ống khói xả ra môi trường.
- Dòng thải số 4 (tương ứng với nguồn số 04): Cụm xử lý bụi, mùi: xử lý bụi, mùi phát sinh từ hệ thống sàng, nghiền, phân loại, làm nguội và đóng bao gồm các bộ phận sau: Hệ thống chụp hút → Cyclon → Phòng lắng bụi → Quạt hút → Bồn nước và bơm nước phun ẩm → ống khói xả ra môi trường.

- Dòng thải số 5 (tương ứng với nguồn số 05): Cụm lọc bụi môi trường làm việc: xử lý bụi phát sinh từ cụm phối liệu gồm: Hệ thống chụp hút → Cyclon lắng bụi → Quạt hút → ống khói xả ra môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải

- Nguồn số 1: Vị trí xả khí thải có tọa độ X: 1.868.618 m; Y: 589.558 m; được xả thải qua ống khói cao 20m, D=1,6m theo phương thức trực tiếp;
- Nguồn số 2: Vị trí xả khí thải có tọa độ X: 1.868.614 m; Y: 589.546 m; được xả thải qua ống khói cao 20m, D=1,0m theo phương thức trực tiếp;
- Nguồn số 3: Vị trí xả khí thải có tọa độ X: 1.868.664 m; Y: 589.585 m; được xả thải qua ống khói cao 20m, D=1,6m theo phương thức trực tiếp;
- Nguồn số 4: Vị trí xả khí thải có tọa độ X: 1.868.643 m; Y: 589.584 m; được xả thải qua ống khói cao 20m, D=1,0m theo phương thức trực tiếp;
- Nguồn số 5: Vị trí xả khí thải có tọa độ X: 1.868.657 m; Y: 589.555 m; được xả thải qua ống khói cao 20m, D=0,5m theo phương thức trực tiếp.
(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 1: 35.000 m³/h.
- Nguồn số 2: 25.000 m³/h.
- Nguồn số 3: 40.000 m³/h.
- Nguồn số 4: 30.000 m³/h.
- Nguồn số 5: 25.000 m³/h.

2.3.1. Phương thức xả thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói.

2.3.2. Chế độ xả thải: xả liên tục khi hoạt động.

2.3.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp = 0,9; Kv = 1) và QCVN 21:2009/BTNMT - QCKTQG về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học, (cột B, Kp = 0,9; Kv = 1) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Nguồn số			QCVN 21:2009	QCVN 19:2009	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
		1 và 3	2 và 4	5	/BTNMT	/BTNMT		
					(cột B, Kp = 0,9; Kv = 1)			
1	Bụi tổng	X	X	X	180		03 tháng/lần	Không áp dụng
2	SO ₂	X			450			
3	NO _x	X			765			
4	CO	X			-	900		
5	NH ₃	X	X		45			

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Dây chuyền sản xuất phân bón 40.000 tấn/năm tại Nhà xưởng số 2:
 - + Nguồn số 1: Khí thải lò sấy sẽ được quạt hút (công suất 35.000 m³/giờ) thu về hệ thống chụp hút và dẫn khí thải vào Cyclon để bắt đầu quá trình xử lý.
 - + Nguồn số 2: Khí thải ống khói máy nguội sẽ được quạt hút (công suất 25.000 m³/giờ) thu về hệ thống chụp hút và dẫn khí thải vào Cyclon để bắt đầu quá trình xử lý.
- Dây chuyền sản xuất phân bón 70.000 tấn/năm tại Nhà xưởng số 4:
 - + Nguồn số 3: Khí thải lò sấy 1,2 (OK-637) sẽ được quạt hút (công suất 40.000 m³/giờ) thu về hệ thống chụp hút và dẫn khí thải vào Cyclon để bắt đầu quá trình xử lý.
 - + Nguồn số 4: Khí thải ống khói máy nguội (OK-646) sẽ được quạt hút (công suất 30.000 m³/giờ) thu về hệ thống chụp hút và dẫn khí thải vào Cyclon để bắt đầu quá trình xử lý.
 - + Nguồn số 5: Khí thải ống khói lọc bụi (LB-647) sẽ được quạt hút (công suất 25.000 m³/giờ) thu về hệ thống chụp hút và dẫn khí thải vào Cyclon để bắt đầu quá trình xử lý.

1.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 1:
 - + Quy trình công nghệ: bụi, khí thải phát sinh từ cụm sấy (lò sấy được bố trí máy thổi cung cấp thêm Oxy để tăng khả năng cháy), nấu chảy ure, lò hơi → Chụp hút vào đường ống thu khí → Cyclon → Phòng lắng bụi → Quạt hút → Bồn nước và bơm nước phun ẩm → ống khói cao 20m xả ra môi trường.
 - + Công suất thiết kế: 35.000 m³/giờ.
- Nguồn số 2:
 - + Quy trình công nghệ: bụi, mùi phát sinh từ hệ thống sàng, nghiền, phân loại, làm nguội và đóng bao → Chụp hút vào đường ống thu khí → Cyclon → Phòng lắng bụi → Quạt hút → Bồn nước và bơm nước phun ẩm → ống khói cao 20m xả ra môi trường.
 - + Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.
- Nguồn số 3:
 - + Quy trình công nghệ: bụi, khí thải phát sinh từ cụm sấy 1, sấy 2 (lò sấy được bố trí máy thổi cung cấp thêm Oxy để tăng khả năng cháy), nấu chảy ure, lò hơi → Chụp hút vào đường ống thu khí → 02 Cyclon → 02 Phòng lắng bụi → 02 Quạt hút → Bồn nước và bơm nước phun ẩm → ống khói cao 20m xả ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ.

- Nguồn số 4:

+ Quy trình công nghệ: bụi, mùi phát sinh từ hệ thống sàng, nghiền, phân loại, làm nguội và đóng bao → Chụp hút vào đường ống thu khí → Cyclon → Phòng lắng bụi → Quạt hút → Bồn nước và bơm nước phun ẩm → ống khói cao 20m xả ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.

- Nguồn số 5:

+ Quy trình công nghệ: bụi phát sinh từ cụm phối liệu → Chụp hút vào đường ống thu khí → Cyclon lắng bụi → Quạt hút → ống khói cao 20m xả ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

1.3. Mô tả quy trình công nghệ xử lý:

*** Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn sấy (nguồn số 1 và nguồn số 3):**

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải được cấu tạo gồm 4 thiết bị chính: Cyclon khô có tác dụng lọc bụi khô, phòng lắng, quạt hút, thiết bị phun ẩm thuận dòng và thiết bị hút ẩm.

+ Khí chứa bụi được theo các ống dẫn kín thu gom đi vào hệ thống Cyclon khô để loại đi các hạt bụi có kích thước $\geq 4\mu\text{m}$. Quá trình thu bụi trong Cyclon này dựa trên nguyên lý lực quán tính (lực ly tâm). Dòng khí thải được dẫn vào theo phương tiếp tuyến với vỏ hình trụ của Cyclon, sau đó chuyển động theo hình xoắn ốc từ trên xuống dưới. Nhờ tác dụng của lực ly tâm và lực của dòng khí, các hạt bụi bị ép vào thành Cyclon, tách ra khỏi dòng khí. Các hạt bụi này vừa chuyển động xoáy vừa tịnh tiến dọc theo trục Cyclon rơi xuống đáy phễu. Bụi này sẽ được thu gom và tái sử dụng cho sản xuất. Dòng khí khi gần tới phần đáy phễu của Cyclon thì ngoặt hướng và chuyển động lên phía trên tạo thành dòng xoáy trong ở ống dẫn tâm rồi được dẫn theo ống dẫn khí qua phòng lắng để tiếp tục lắng bụi.

+ Khí chứa bụi sau khi qua Cyclon khô thì khí này tiếp tục được dẫn qua hệ thống phòng lắng bụi, sau đó dòng khí tiếp tục được xử lý ướt với thiết bị phun thuận dòng. Khí cần làm sạch sẽ được dẫn từ trên xuống qua tấm lưới phân phối khí. Nước cũng được dẫn vào tháp từ trên xuống phun thành dạng sương. Các hạt bụi còn sót lại trong dòng khí sẽ bám vào các hạt sương và cuốn theo dòng khí đi vào vùng khuếch tán rồi tới bộ phận tách chất lỏng. Các thành phần khí thải trong lò đốt như SO₂, NO_x... và khí NH₃ từ trong quá trình sấy cũng được hấp phụ bởi các hạt sương và dòng nước đi xuống. Bộ phận này là một màng có khả năng cho không khí đi qua và giữ nước lại. Nước chứa bụi được thu vào bể chứa 03 ngăn phía dưới tháp hút ẩm còn không khí sẽ thoát ra qua ống khói nhờ 1 quạt hút đặt sau hệ thống xử lý. Khí thải sau quá trình xử lý ra 01 ống khói cao 20m và thải ngoài môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; Kp = 0,9; Kv = 1,0).

*** Bụi, mùi từ hệ thống sàng, nghiền, làm nguội (nguồn 2 và nguồn 4)**

Cyclon khô có tác dụng lọc bụi khô, quạt hút. Nguyên lý hoạt động như hệ thống xử lý cụm lò sấy, mùi từ các khí NH₃... sẽ được giữ lại lắng đọng trong nước sau đó tái sử dụng phần phối trộn phục vụ sản xuất.

Hệ thống bụi thu gom từ các thiết bị lọc bụi được thu gom và đưa trở lại phễu chứa vật liệu hồi lưu và đưa vào quá trình trộn trong quy trình sản xuất phục vụ sản xuất phân bón.

*** Bụi phát sinh từ cụm phối liệu (nguồn số 05):**

Bụi và khí thải từ các công đoạn nghiền, trộn, sàng, băng tải, đóng bao... được chụp hút vào các ống dẫn kín thu gom đi vào hệ thống Cyclon khô để loại đi các hạt bụi. Quá trình thu bụi trong Cyclon này dựa trên nguyên lý lực quán tính (lực ly tâm). Cyclon khô có cấu tạo gồm hai phần: phần thân hình trụ ở trên và đáy hình phễu ở dưới. Dòng khí thải được dẫn vào theo phương tiếp tuyến với vỏ hình trụ của Cyclon, sau đó chuyển động theo hình xoắn ốc từ trên xuống dưới. Nhờ tác dụng của lực ly tâm và lực của dòng khí, các hạt bụi bị ép vào thành Cyclon, tách ra khỏi dòng khí. Các hạt bụi này vừa chuyển động xoáy vừa tịnh tiến dọc theo trục Cyclon rơi xuống đáy phễu. Bụi này có thành phần như nguồn nguyên liệu, sẽ được thu gom, đưa trở lại công đoạn trộn và tái sử dụng cho sản xuất.

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị - Công suất 110.000 tấn/năm có công nghệ sản xuất phân bón hỗn hợp phối trộn, không thuộc đối tượng tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Do đó, theo quy định tại mục II.9 Phụ lục 29, điểm a khoản 5 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, thì hiện nay Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến sau 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Đối với các hạng mục xử lý bụi, khí thải dây chuyền 40.000 tấn phân bón/năm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường thành phần số 1933/GXN-STNMT ngày 03/9/2015 nên dây chuyền này sẽ được miễn vận hành thử nghiệm.

- Đối với các hạng mục xử lý bụi, khí thải dây chuyền 70.000 tấn phân bón/năm, Chủ Cơ sở sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi và khí thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Vị trí 01: tại đầu ra ống khói sây 1,2 (OK-637).
- Vị trí 02: tại đầu ra ống khói nguội (OK-646).
- Vị trí 03: tại đầu ra ống khói môi trường (LB-647).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ Cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này, cụ thể:

- Về chất ô nhiễm:
 - + Vị trí 01: Nhiệt độ, Lưu lượng, NO_x , SO_2 , CO, NH_3 , Bụi tổng.
 - + Vị trí 02: Lưu lượng, NH_3 , Bụi tổng.
 - + Vị trí 03: Lưu lượng, Bụi tổng.
- Quy chuẩn áp dụng: tương ứng với QCVN 21:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 0,9$; $K_v = 1$).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, do đó Chủ cơ sở thực hiện quan trắc với tần suất như sau: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: bắt đầu vận hành thử nghiệm sau 10 ngày kể từ ngày Chủ cơ sở gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm tới Sở Tài nguyên và Môi trường; kéo dài 03 ngày liên tiếp.
- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường theo QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số $K_p=0,9$; $K_v=1$).

3.2. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3.3. Thực hiện lắp đặt, vận hành hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo Quyết định của Chính phủ như quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị -
Công suất 110.000 tấn/năm**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **18** /GPMT-UBND ngày **14** tháng **8** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất tại các công đoạn: nghiền sàng, trộn, vo viên, lò sấy thùng quay, đóng bao, máy xúc lật và các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn và độ rung trong Nhà máy phát sinh từ nhiều vị trí và phân tán, trong đó tập trung lớn tại các vị trí sau:

- Tại dây chuyền sản xuất phân bón 40.000 tấn/năm (Nhà xưởng số 2), các vị trí gồm: khu vực máy sấy, máy nghiền, sàng, trộn.

- Tại dây chuyền sản xuất phân bón 70.000 tấn/năm (Nhà xưởng số 4): các vị trí gồm: khu vực máy sấy 1 và sấy 2, máy nghiền, sàng, trộn.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung:

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ	Vị trí quan trắc
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	06 tháng/lần	Xưởng sản xuất nhà máy
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	06 tháng/lần	

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới, Công ty đã và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất, giảm thiểu tiếng ồn cũng như độ rung.

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.
- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân lao động tại nguồn phát sinh tiếng ồn.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khoẻ định kỳ, nhằm đảm bảo sức khoẻ lâu dài cho công nhân.
- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Công ty.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị -
Công suất 110.000 tấn/năm

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **18**/GPMT-UBND ngày **14** tháng **8** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Tải lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	12
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	1.000L/năm (890 kg/năm)
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	180
Tổng				1.082

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Tải lượng (kg/năm)
1	Bao bì không nhiễm thành phần nguy hại	18 01 10	19.800
2	Tro xỉ từ lò đốt và quá trình đốt lò hơi	04 02 06	263.709
3	Bùn, bụi từ quá trình xử lý khí thải	12 07 06	44.300
Tổng			327.809

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: Chủ yếu là các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống, thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau...

- Khối lượng: 100 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- CTNH sẽ được thu gom tập trung vào 02 thùng rác 120L có nắp đậy và tại các thùng chứa CTNH được dán nhãn để nhân viên thu gom biết phân loại chất thải, sau đó lưu vào khu vực kho phân loại rác thải bố trí phía Đông Bắc Nhà máy.

- Đăng ký chủ nguồn thải CTNH tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định. Đối với nhà máy cũ thì Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số: 45.000008.T.

- Lượng Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải với số lượng 1000 lít/năm được tái sử dụng trở lại (Đã được Sở TNMT có Công văn số 244/STNMT-CCBVMТ ngày 31/8/2017 về việc chấp thuận phương án tái sử dụng chất thải nguy hại), cụ thể như sau:

- + Bảo dưỡng xích xe nâng thuộc công đoạn vận chuyển hàng hóa.
 - + Hệ tạo hạt: Châm nhốt các hộp giảm tốc motor, không truyền động (ống sấy, ống tạo hạt, ống nguội), châm boss máy nghiền ốc trâu.
 - + Hệ nghiền: Châm nhốt các hộp giảm tốc motor, châm boss máy nghiền.
 - + Hệ tạo trộn: Châm nhốt các hộp giảm tốc motor, không truyền động ống trộn.
- Phần lượng CTNH còn lại, ước tính khoảng 192kg/năm được Công ty hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama vận chuyển và xử lý 01 lần/năm theo đúng quy định. (Các Hợp đồng vận chuyển xử lý CTR kèm theo ở phụ lục).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

*** Chất thải công nghiệp thông thường:**

- Đối với chất thải rắn là bao bì... sẽ được thu gom lưu giữ tại Nhà lưu giữ CTR được bố trí ở phía Đông Bắc nhà máy có diện tích 60m² và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Bao bì đựng nguyên liệu thì hợp đồng với Công ty TNHH MTV Cường Anh thu mua bao bì đối với CTR không tận dụng được với tần suất 01 tháng/01 lần.

- Tro xỉ từ lò đốt và quá trình đốt lò hơi: Chủ dự án sẽ thu gom và lưu vào kho chứa tại khu vực lò hơi, ngăn cách bằng tường gạch và có cửa đảm bảo không phát tán bụi ra ngoài, sau đó sẽ hợp đồng với Công ty TNHH Quang Khởi và các đơn vị khác định kỳ 15 ngày/01 lần vận chuyển đi tái chế sản xuất gạch không nung và làm bãi lốt nguyên liệu.

- CTR là bùn nạo vét các hồ ga từ hệ thống thu gom thoát nước mưa chảy tràn, thành phần chủ yếu là đất cát, sỏi... Bùn từ quá trình nạo vét 06 tháng/01 lần và được thu gom, tận dụng vào việc trồng cây trong khuôn viên Nhà máy.

- Bùn, bụi từ quá trình xử lý khí thải là các thành phần dinh dưỡng nên được thu gom hết lượng phân bón lắng đọng trong quá trình lắng bụi để đưa trở lại vào sản xuất. Quy trình như đã mô tả trong quá trình xử lý khí thải.

*** Chất thải rắn sinh hoạt**

- Công ty đưa ra các nội quy, quy định và lắp đặt các biển chỉ dẫn để CBCNV và khách hàng thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, bố trí kho rác thải có diện tích 60m² nằm góc phía Đông Bắc nhà máy (bên cạnh Nhà xưởng sản xuất số 1) để lưu giữ rác thải hàng ngày trước khi được vận chuyển đi xử lý. Hàng ngày sẽ có

công nhân trực tiếp thu gom và vận chuyển về kho lưu giữ được bố trí góc phía Đông của Cơ sở.

- Công ty bố trí 10 thùng rác loại 120L để thu gom rác thải phát sinh. Trong đó, các thùng rác được bố trí như sau: Tại khu vực nhà văn phòng và nhà ăn bố trí 04 thùng; 04 thùng bố trí ở khu vực nhà xưởng; 02 thùng khu vực nhà bảo vệ và nhà xe.

- Hàng ngày, công nhân sẽ thu gom và vận chuyển rác về tập trung tại khu vực nhà chứa rác và hợp đồng với Đội thu gom rác thải xã Gio Quang để vận chuyển đi xử lý.

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton... sẽ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

3. Hoạt động xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Công ty đã xây dựng nội quy về PCCC trình Công an tỉnh Quảng Trị phê duyệt. (Quyết định đính kèm tại phụ lục)

- Công ty đã thành lập đội PCCC và định kỳ phối hợp với các cơ quan PCCC để tập huấn cho đội; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội quy đã định.

- Công ty đã mua sắm trang thiết bị PCCC, lắp đặt tại khu vực lò sấy, kho chứa than, nhà xưởng dây chuyền sản xuất bố trí các bình chữa cháy, họng nước cứu hỏa để ứng cứu kịp thời. Đồng thời mua sắm, tiến hành lắp thiết bị PCCC tại dây chuyền sản xuất mở rộng trước khi đưa vào hoạt động chính thức.

- Việc thiết kế, lắp đặt, đấu nối điện đối với các máy móc thiết bị được tuân thủ theo các quy định về an toàn điện.

- Công ty đã đưa ra các nội quy, quy định cũng như những hướng dẫn sử dụng thiết bị, máy móc để đảm bảo các yêu cầu về an toàn điện.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, Ban lãnh đạo công ty sẽ thông báo kịp thời cho toàn bộ CBCNV trong Nhà máy biết, huy động tất cả các nguồn lực, phương tiện chữa cháy kịp thời hạn chế đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

2. Đối với sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố do tai nạn lao động có thể xảy ra đối với CBCNV làm việc trong Nhà máy, Công ty đã và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp sau:

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động định kỳ cho toàn bộ công nhân sau khi được tuyển dụng để có những phương án kịp thời ứng cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như găng tay, quần áo... đồng thời bắt buộc tất cả CBCNV trong giờ làm việc phải sử dụng các trang

thiết bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, găng tay, giày, khẩu trang, kính mắt, bông nút tai...). Không chế nồng độ bụi, khí thải, tiếng ồn đạt tiêu chuẩn cho phép để tránh xảy ra các bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

- Đối với công nhân kỹ thuật sẽ thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy móc;

- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 01 lần/năm theo Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

- Khi xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, CBCNV đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân, thông báo cho ban lãnh đạo sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

- Không sử dụng xe, máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên vật liệu. Thường xuyên bảo dưỡng xe, điều chỉnh máy móc làm việc ở điều kiện tốt nhất để hạn chế ô nhiễm và rủi ro xảy ra trong khi vận hành thiết bị.

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, chế độ vận hành của các thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao, thiết bị lạnh, các hoá chất độc hại...

3. Đối với sự cố đổ tràn hóa chất

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố do đổ tràn hóa chất có thể xảy ra, Công ty đã và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp sau:

- Kho bảo quản, thiết bị chứa hoá chất đáp ứng các quy định của quy phạm pháp luật về an toàn, phòng chống cháy nổ; Có bảng ghi những quy định và hướng dẫn biện pháp an toàn cho người làm việc trong kho; Có biển báo nguy hiểm treo ở nơi dễ nhận thấy.

- Người ra vào kho chứa hoá chất nguy hiểm được kiểm tra và đăng ký vào sổ.

- Kho chứa được thiết kế phù hợp cho việc lưu trữ, sử dụng và ứng cứu sự cố như: phân vùng cất trữ, các giá kệ được thiết kế vừa tầm người sử dụng, sàn nhà kho nghiêng về một phía để dễ thu gom khi hóa chất tràn đổ.

- Trang bị các phương tiện ứng cứu như: cát, giẻ lau, bông thấm...

4. Đối với sự cố do mưa bão

Để phòng chống các thiệt hại do sự cố do mưa bão gây nên Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh.

- Trước khi có mưa bão xảy ra, Chủ dự án sẽ thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố có thể xảy ra.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau mưa bão.

- Khi có sự cố mưa bão xảy ra, Công ty sẽ sơ tán công nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, sử dụng các trang thiết bị và nhân lực tại chỗ để khống chế các sự cố,

đồng thời thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn cứu hộ tỉnh Quảng Trị, các ban ngành liên quan để kịp thời ứng cứu, xử lý sự cố xảy ra.

- Biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả:

+ Ban chỉ huy phòng chống lụt bão của công ty theo dõi thường trực tin báo, cảnh báo và biện pháp và biện pháp chỉ đạo ứng phó với lũ, bão, áp thấp nhiệt đới từ các cơ quan chức năng và phương tiện truyền thông để thực hiện truyền đạt kịp thời tin báo, cảnh báo và các biện pháp khẩn cấp chỉ đạo ứng phó của địa phương đến toàn thể CBCNV Công ty.

+ Ban chỉ huy phòng chống lụt bão của công ty thực hiện chế độ trực ban theo đúng quy định để ứng phó kịp thời với các tình huống xấu xảy ra.

+ Khi xảy ra thiên tai và mưa bão, ban chỉ huy phòng chống lụt bão của công ty thực hiện ngay biện pháp huy động lực lượng, vật tư, phương tiện dự trữ để ứng phó, Đồng thời dự kiến tình huống xấu, phức tạp có thể xảy ra ngoài khả năng xử lý của Công ty và báo cáo ngay cho cơ quan chức năng của địa phương để chi viện, hỗ trợ kịp thời.

+ Công ty chủ động tiến hành tích cực tham gia việc khắc phục hậu quả thiên tai nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nhanh chóng phục hồi sản xuất.

+ Kịp thời cấp cứu, điều trị nạn nhân do thiên tai, mưa bão gây ra (nếu có) tại các cơ sở y tế gần nhất.

+ Nhanh chóng sửa chữa khôi phục các công trình hạ tầng bị thiệt hại, hư hỏng, đảm bảo trong thời gian sớm nhất đưa vào sử dụng và hoạt động lại bình thường.

5. Sự cố đối với công trình xử lý môi trường

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng vận hành của hệ thống hút, xử lý bụi, ống khói, hệ thống xử lý khí thải.

- Các máy móc hút bụi được bố trí dự phòng thêm 01 máy đảm bảo khi có 01 máy móc bị hỏng thì thay thế ngay đảm bảo không ảnh hưởng đến sản xuất cũng như không gây ra sự cố môi trường.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thực hiện Chương trình quan trắc nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung theo phụ lục 1, 2, 3.

2. Quan trắc chất thải rắn

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của Nhà máy.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền Quảng Trị -
Công suất 110.000 tấn/năm

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 18/GPMT-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Yêu cầu Chủ dự án thực hiện hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường theo Nội dung của giấy phép này.

2. Đầu tư các hạng mục bảo vệ môi trường khi nâng cấp lên dây chuyền 130.000 tấn/năm và đề xuất cấp lại giấy phép môi trường khi đầu tư mở rộng Nhà sản xuất phân bón Bình Điền Quảng Trị tổng công suất 200.000 tấn/năm theo Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo ĐTM dự án: Đầu tư mở rộng Nhà sản xuất phân bón Bình Điền Quảng Trị công suất 200.000 tấn/năm.

3. Tổ chức thỏa thuận đầu nối nước thải với BQL Khu Kinh tế tỉnh để đầu nối với Hệ thống thu gom nước thải của KCN Quán Ngang.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy

3. Nghiêm túc tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được đề xuất.

4. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các nguồn khí thải không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nếu có) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

- Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà điều hành do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường gửi báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.